

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển
phía Tây đầm thị Nại, hạng mục: Khu dân cư sau trường tiểu học số 1
thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3350/STNMT-CCBVMT ngày 18/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm thị Nại, hạng mục: Khu dân cư sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm thị Nại, hạng mục: Khu dân cư sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2041/UBND-BQL ngày 12/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1158/TTr-STNMT ngày 29/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm thị Nại, hạng mục: Khu dân cư sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Hiệp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ TRUNG TÂM THỊ XÃ AN NHƠN
ĐẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN PHÍA TÂY ĐÀM THỊ NẠI
HẠNG MỤC: KHU DÂN CƯ SAU TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1
THUỘC THÔN LỤC LỄ, XÃ PHƯỚC HIỆP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm thị Nại, hạng mục: Khu dân cư sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp.

- Địa điểm thực hiện: thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích: 10.108,79 m².

- Quy mô: 33 lô đất, dân số khoảng 132 người.

1.3. Các hạng mục công trình chính: San nền mặt bằng; hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 9.511,87 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san nền: phát sinh bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nước mặt của kênh mương khu vực dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 11 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng 1.554 kg/giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 989 m³. Thành phần chủ yếu là bùn, đất.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 105,6 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

- Chất thải phải kiểm soát từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 10 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, ...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 5 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 600 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể:

- + Bố trí hệ thống cống dọc bằng bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600mm và hố ga thu nước bằng bê tông cốt thép đặt ngầm dọc theo một bên các vỉa hè đường giao thông, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa theo Quy hoạch khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại (vị trí 01) được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 26/4/2022.

- + Bố trí mương B500mm kết hợp tường chắn có chiều dài khoảng 161m để thu nước mưa khu vực khu dân cư hiện trạng phía Đông và Nam dự án.

- + Bố trí 1 tuyến mương hoàn trả B1000mm kết nối với tuyến cống hiện trạng D1000mm phía Đông dự án để đảm bảo việc thoát nước cho toàn bộ dự án và không ngập úng khi san nền.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE có đường kính D200mm bố trí dọc tuyến đường giao thông nội bộ dẫn về hố ga chờ đầu nối phía Tây dự án.

+ Giai đoạn khi hạ tầng thoát nước thải trong khu vực được xây dựng, theo Quy hoạch: nước thải sinh hoạt được thu gom, đầu nối vào tuyến ống gom nước thải, sau đó dẫn về Khu xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại (vị trí 01) được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 do UBND xã Phước Hiệp đầu tư xây dựng.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng với tần suất 2 lần/ngày.

- Đối với đoạn đi qua trường học, không vận chuyển nguyên vật liệu vào khung giờ từ 06h00 - 07h30 và từ 16h30 - 18h00.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc hữu cơ được vận chuyển san lấp tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

Hộ dân tự thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị chức năng theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian đổ bê tông trong khoảng thời gian thi công 7h00 - 11h30 và từ 13h30 - 17h00, để không ảnh hưởng đến giờ nghỉ ngơi người dân.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền, tuyến mương hoàn trả; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát

nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực Khu dân cư hiện trạng dọc đường bê tông phía Nam Dự án thuộc Đội 10, thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp (Tọa độ: 1534752; 598101).

+ Khu vực tại Khu dân cư hiện trạng phía Tây Dự án thuộc Đội 10, thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp (Tọa độ: 1534870; 597914).

- Chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: Khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom và lưu giữ.